

Số: 4804 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 03 tháng 12 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Đề án phát triển giao thông đường thủy nội địa tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11; Luật số 48/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 70/2014/TT-BGTVT ngày 05/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BGTVT ngày 29/12/2016 Quy định cấp kỹ thuật đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 Quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định số 1071/QĐ-BGTVT ngày 24/4/2013 của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 4360/QĐ-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải phê duyệt điều chỉnh, bổ sung một số nội dung chi tiết thuộc Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 5031/UBND-CN ngày 29/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc đồng ý chủ trương điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông đường thủy nội địa tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 4360/QĐ-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt điều chỉnh, bổ sung một số nội dung chi tiết thuộc Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3227/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển GTVT tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 43/CĐTND-KHĐT ngày 10/01/2017 của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam về việc tham gia ý kiến đối với Điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa tỉnh Thanh Hoá đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 3955/UBND-CN ngày 12/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông đường thủy nội địa tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 2034/STP-XDVB ngày 29/10/2018 của Sở Tư pháp về việc thẩm định Đề án phát triển giao thông đường thủy nội địa tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 4079/TTr-SGTVT ngày 01/11/2018 về việc phê duyệt Đề án phát triển giao thông đường thủy nội địa tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030,

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án phát triển giao thông đường thủy nội địa (gọi tắt là ĐTNĐ) tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau:

### **I. Quan điểm phát triển**

1. Phát triển giao thông vận tải ĐTNĐ phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải và các quy hoạch chuyên ngành khác của tỉnh, đồng thời phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa Việt Nam.

2. Phát huy tối đa điều kiện tự nhiên của hệ thống sông ngòi, hồ thủy điện, kết hợp với đầu tư, nâng cấp cải tạo kết cấu hạ tầng cảng, bến để phát triển giao thông vận tải thủy nhằm phục vụ nhu cầu đi lại và sản xuất của nhân dân, địa phương.

3. Phát triển đồng bộ luồng tuyến, cảng, bến thủy nội địa (gọi tắt là BTNĐ), đường kết nối vào cảng để phát huy được hết tiềm năng, lợi thế đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, hỗ trợ, liên kết hợp lý với các phương thức vận tải khác.

4. Nâng cao chất lượng vận tải thủy với chi phí hợp lý, an toàn, đảm bảo môi trường. Chú trọng công tác quản lý, bảo trì để khai thác tối đa năng lực kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy.

5. Phát huy nội lực, thu hút mọi thành phần kinh tế, nhiều hình thức tham gia đầu tư phát triển giao thông đường thủy; dành quỹ đất hợp lý để phát triển, đầu tư xây dựng đảm bảo hành lang an toàn giao thông và bảo vệ môi trường, cảnh quan.

## **II. Mục tiêu phát triển**

### **1. Mục tiêu chung**

Từng bước xây dựng hệ thống giao thông vận tải ĐTNĐ tỉnh Thanh Hóa phát triển đồng bộ cả về luồng tuyến, cảng bến, phương tiện và năng lực quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu vận tải với chất lượng ngày càng cao, giá thành hợp lý và an toàn.

Tổ chức khoa học mạng lưới vận tải đường thủy trong tỉnh, phối hợp với các loại hình vận tải khác (đường bộ, đường sắt, cảng biển) tạo thành một mạng lưới vận tải thông suốt và cơ động. Phát triển phương tiện vận tải thủy phù hợp với điều kiện luồng lạch và bảo đảm an toàn vận tải.

Nâng cao hiệu lực hệ thống pháp luật quản lý chuyên ngành ĐTNĐ; quản lý một cách toàn diện, có tính hệ thống mọi hoạt động vận tải thủy nội địa, bao gồm công tác quản lý cảng, BTNĐ, bến ngang sông, công tác kiểm định, cấp phép phương tiện và người điều khiển phương tiện thủy.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

- *Vận tải*: Thỏa mãn nhu cầu vận tải hàng hóa và hành khách đáp ứng sự phát triển của nền kinh tế. Về hàng hóa: thị phần vận tải hàng hóa ĐTNĐ năm 2020 là 8,3% (10,2 triệu tấn), năm 2025 là 8,4% (13,9 triệu tấn) và năm 2030 là 8,6% (18,9 triệu tấn); Về hành khách; thị phần vận tải hành khách ĐTNĐ năm 2020 là 1,9% (1,3 triệu lượt khách), năm 2025 là 1,44% (1,3 triệu lượt khách) và năm 2030 là 1,08% (1,4 triệu lượt khách).

- *Đội tàu*: Đội tàu vận tải hàng hóa, hành khách và tàu du lịch của địa phương do các doanh nghiệp và tư nhân đầu tư dưới sự giám sát của các cơ quan có thẩm quyền, bảo đảm chất lượng và đáp ứng nhu cầu vận tải trong tương lai. Mục tiêu đến năm 2020 đạt 466 nghìn tấn phương tiện, năm 2025 đạt 581 nghìn tấn phương tiện và năm 2030 là 759 nghìn tấn phương tiện.

- *Luồng tuyến*: Tăng thêm chiều dài quản lý gồm: các sông có khả năng khai thác vận tải, các đoạn tuyến nối các điểm tham quan để phát huy tiềm năng du lịch và cung cấp hàng hóa cho các huyện, xã ở vùng ven biển, đồng bằng và trung du. Mục tiêu đến năm 2030 quản lý, khai thác 838,5 km ĐTNĐ.

- *Cảng, bến*: Sắp xếp lại các cụm cảng, BTNĐ đã có, mở mới các bến, cụm bến khi xét thấy có nhu cầu. Sơ bộ xác định chức năng, quy mô hàng hóa làm cơ sở lập kế hoạch đầu tư những giai đoạn ngắn hạn và trung hạn. Xây dựng, mở rộng cảng, bến chú trọng bảo vệ môi trường và xem xét những công trình khác đã tồn tại, đảm bảo kết nối giữa cảng và các phương thức vận tải trên bộ thuận lợi để phát huy hết công suất của cảng. Mục tiêu đến năm 2030 khai thác 07 cảng và 69 bến thủy nội địa.

- *Công nghiệp tàu thủy trên địa bàn*: Đề xuất đầu tư chiều sâu, mở rộng các cơ sở hiện có của từng khu vực trong tỉnh, phát triển một số cơ sở đóng mới, sửa

chữa đảm bảo phục vụ bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ phương tiện của tỉnh (gồm phương tiện ngành giao thông và thủy sản) tiến tới có thể đảm nhận đóng mới toàn bộ tàu du lịch, tàu hàng các loại tại địa phương. Mục tiêu đến năm 2030 có 13 cơ sở đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy nội địa.

### **III. Nội dung đề án.**

#### **1. Định hướng phát triển các tuyến vận tải thủy nội địa**

##### ***a) Phát triển các tuyến vận tải hàng hóa***

###### ***\* Luồng hàng liên tỉnh:***

- Phát triển tuyến vận tải biên pha sông chạy ven biển Bắc - Nam từ khu vực cảng biển Nghi Sơn, Lễ Môn, Quảng Châu, Quảng Nham đi các cảng thủy nội địa khác.

- Tuyến vận tải thủy nội địa Trung ương quản lý: Phát triển tuyến Ninh Bình - Thanh Hóa nối cảng Lễ Môn (Thanh Hóa) với cảng Ninh Phúc (Ninh Bình), tạo sự lưu thông giữa Thanh Hóa với các tuyến ĐTNĐ khu vực phía Bắc.

***\* Luồng hàng nội tỉnh:*** Phát triển vận tải hàng hoá trên các sông Mã, sông Bưởi, sông Chu, sông Nhồi, sông Chuối, sông Yên, Lạch Bạng trong phạm vi tỉnh Thanh Hoá.

##### ***b) Phát triển các tuyến vận tải hành khách***

Phát triển các tuyến phục vụ vận tải khách du lịch như: trên sông Mã, sông Chu, sông Hoạt, sông Lạch Bạng, các tuyến sông trong TP. Thanh Hoá; phát triển vận tải hành khách trên tuyến Lạch Bạng - Hòn Mê và khách du lịch trên vùng hồ thuộc Vườn quốc gia Bến En, cửa Đạt, Yên Mỹ và các hồ thủy điện trên sông Mã. Xây dựng các điểm đón trả khách theo các tuyến du lịch đường thủy theo Quyết định số 4589/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về Quy hoạch phát triển các điểm tuyến du lịch đường sông tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035. Bổ sung các tuyến du lịch đường thủy tại Khu du lịch sinh thái biển Hoàng Tiến, huyện Hoàng Hoá.

#### **2. Định hướng phát triển luồng tuyến giao thông vận tải ĐTNĐ**

##### ***2.1. Các tuyến cần nâng cấp, khảo sát công bố tuyến đưa vào quản lý.***

***2.1.1. Sông Mã:*** Khảo sát công bố đưa vào quản lý đối với đoạn từ Cầu Na Sỏi - Thủy điện Hồi Xuân; Thủy điện Hồi Xuân - Thủy điện Thành Sơn, Thủy điện Thành Sơn - Thủy điện Trung Sơn và hồ thủy điện Trung Sơn, định hướng giai đoạn 2025 - 2030 đạt quy mô cấp 5 ĐTNĐ.

##### ***2.1.2. Sông Lèn:***

+ Định hướng đến năm 2025 tuyến sông Lèn đoạn từ cửa Lạch Sung đến Cầu Đò Lèn đạt quy mô cấp 3 ĐTNĐ, đến năm 2030 đạt cấp 1 ĐTNĐ, đảm bảo tàu thuyền có trọng tải đến 1000T ra vào.

+ Giai đoạn 2025 - 2030 nâng cấp quy mô từ cấp 4 ĐTNĐ lên cấp 3 ĐTNĐ

đối với đoạn từ Cầu Đò Lèn đến Ngã ba Bông, đảm bảo tàu thuyền có trọng tải đến 300 tấn đi lại.

**2.1.3. Sông Hoàng:** Định hướng đến năm 2030 nâng cấp quy mô từ cấp 6 ĐTNĐ lên cấp 5 ĐTNĐ đối với đoạn từ ngã ba Ngọc Trà đến ngã ba sông Hoàng.

**2.1.4. Kênh Nga Sơn:** Xây mới nâng cao tĩnh không và khẩu độ thông thuyền các cầu trên kênh Nga Sơn, đảm bảo giai đoạn 2025-2030 đạt quy mô cấp 3 ĐTNĐ đoạn từ ngã ba Chế Thôn đến ngã ba Chính Đại (hạ lưu cầu Điện Hộ).

**2.1.5. Kênh De:** Giai đoạn 2025-2030 nâng cấp quy mô từ cấp 4 ĐTNĐ lên cấp 3 ĐTNĐ cho tàu đến 300 tấn đi lại đối với đoạn từ ngã ba Yên Lương đến ngã ba Trương Xá. Xây mới nâng cao tĩnh không và khẩu độ thông thuyền cầu De phù hợp cấp 3 ĐTNĐ.

**2.1.6. Sông Bạng:** Khảo sát công bố đưa vào quản lý đối với đoạn từ cảng cá Lạch Bạng đến cầu Hồ (Nghị Sơn), định hướng giai đoạn 2025-2030 đạt quy mô cấp 3 ĐTNĐ.

**2.1.6. Công bố luồng, tuyến ĐTNĐ trên các tuyến du lịch đường thủy tại Khu du lịch sinh thái biển Hải Tiến, huyện Hoằng Hoá.**

**2.2. Các tuyến đề nghị bảo trì hàng năm nhằm đảm bảo cấp kỹ thuật và duy trì hoạt động bình thường, an toàn của công trình ĐTNĐ.**

**2.2.1. Sông Mã:** Thực hiện bảo trì nhằm đảm bảo tiêu chuẩn cấp 2 ĐTNĐ đối với đoạn từ phao số 0 cửa Lạch Hới đến hạ lưu cầu Hoàng Long, cấp 3 ĐTNĐ đoạn từ Hạ lưu cầu Hoàng Long đến Ngã ba Bông, cấp 4 ĐTNĐ đoạn Từ Ngã ba Bông đến ngã ba Vĩnh Ninh (Vĩnh Khang), cấp 5 ĐTNĐ đoạn từ Ngã ba Vĩnh Ninh (Vĩnh Khang) - Thủy điện Cẩm Thủy 2.

Giai đoạn 2025 - 2030: Thực hiện bảo trì nhằm đảm bảo tiêu chuẩn cấp 5 ĐTNĐ đối với các đoạn từ Thủy điện Cẩm Thủy 2 - Thủy điện Cẩm Thủy 1; Thủy điện Cẩm Thủy 1 - Thủy điện Bá Thước 2; Thủy điện Bá Thước 2 - Thủy điện Bá Thước 1; Thủy điện Bá Thước 1 - Cầu Na Sài.

**2.2.2. Sông Bưởi:** Thực hiện bảo trì nhằm đảm bảo tiêu chuẩn quy mô cấp 4 ĐTNĐ các đoạn từ Vĩnh Ninh (Vĩnh Khang) đến Kim Tân và cấp 5 ĐTNĐ đoạn từ Kim Tân đến Thành Mỹ.

**2.2.3. Sông Cầu Chày:** Thực hiện bảo trì nhằm đảm bảo tiêu chuẩn cấp 5 ĐTNĐ với đoạn từ Châu Chương đến Cầu Si.

**2.2.4. Sông Chu:** Thực hiện bảo trì nhằm đảm bảo tiêu chuẩn cấp 3 ĐTNĐ đoạn từ Ngã ba Đầu đến Vạn Hà; quy mô cấp 4 ĐTNĐ đoạn từ Vạn Hà đến đập Bái Thượng.

**2.1.5. Sông Tào:** Đề nghị công bố tuyến đạt tiêu chuẩn cấp 3 ĐTNĐ. Thực hiện bảo trì nhằm đảm bảo tiêu chuẩn cấp 3 ĐTNĐ, đảm bảo cho tàu thuyền có trọng tải 300 tấn đi lại.

**2.2.6. Sông Yên:**

- Thực hiện bảo trì nhằm đảm bảo tiêu chuẩn cấp 2 ĐTNĐ đoạn từ phao số 0 đến cầu Ghép, đảm bảo cho các loại tàu biển pha sông có trọng tải đến 600 tấn đi lại; cấp 4 ĐTNĐ đối với các đoạn từ cầu Ghép đến ngã ba Cây Sơ; đoạn từ ngã ba cây Sơ đến ngã ba Vua Bà; đoạn từ ngã ba sông Hoàng đến cầu Vay, đảm bảo cho tàu thuyền có trọng tải đến 100 tấn đi lại.

- Thanh thải luồng đảm bảo lưu thông đối với đoạn ngã ba Vua Bà đến ngã ba sông Hoàng dài 2km.

2.2.7. *Sông Nhồi Nấp*: Thực hiện bảo trì nhằm đảm bảo tiêu chuẩn cấp 6 ĐTNĐ đoạn từ ngã ba Bến Ngự đến Cầu Vay.

2.2.8. *Sông Cầu Quan*: Thực hiện bảo trì nhằm đảm bảo tiêu chuẩn cấp 6 ĐTNĐ đoạn từ ngã ba Vua Bà đến Chợ Nưa.

2.2.9. *Sông Chuối*: Thực hiện bảo trì nhằm đảm bảo tiêu chuẩn cấp 5 ĐTNĐ đoạn từ ngã ba Cây Sơ đến Vạn Hòa.

2.2.10. *Kênh Choán*: Thực hiện bảo trì nhằm đảm bảo tiêu chuẩn cấp 4 ĐTNĐ cho tàu đến 100 tấn đi lại đối với đoạn từ ngã ba Hoàng Hà đến ngã ba Hoàng Phụ.

2.2.11. *Sông Càn*: Thực hiện bảo trì nhằm đảm bảo tiêu chuẩn cấp 2 ĐTNĐ đoạn từ phao số 0 đến cầu Điện Hộ, cấp 6 ĐTNĐ đoạn từ cửa Lạch Càn đến cầu Điện Hộ đảm bảo cho tàu đến 10 tấn đi lại.

2.2.12. *Tuyến Lạch Bạng - Hòn Mê*: Thực hiện bảo trì nhằm đảm bảo tiêu chuẩn quy mô cấp 1 ĐTNĐ, đảm bảo cho tàu đến 1000T đi lại.

2.2.13. *Hồ Bến En, hồ Cửa Đạt*: Thực hiện bảo trì nhằm đảm bảo tiêu chuẩn cấp 1 ĐTNĐ với 4 tuyến đập trên Hồ Bến En và 3 đập chính trên hồ Cửa Đạt.

*(Chi tiết như phụ lục số 1)*

### **3. Phát triển hệ thống cảng, bến thủy nội địa**

#### **a) Hệ thống cảng thủy nội địa**

Tiếp tục đầu tư xây dựng cảng Đò Lèn theo quy hoạch đã được duyệt tại Quyết định 1071/QĐ-BGTVT ngày 24/04/2013 của Bộ Giao thông vận tải, bổ sung các cảng tại các vùng cửa sông tạo điều kiện thuận lợi cho các tàu lớn ra vào (vận chuyển hàng hoá từ các tỉnh đi đến Thanh Hoá và từ phía biển lên phía Tây Thanh Hoá). Định hướng phát triển đến năm 2030 có 01 cảng khách (cảng Hàm Rồng) và 06 cảng tổng hợp: Hoàng Lý, Đò Lèn, Nga Bạch, Lạch Trường, Hải Châu, Bình Minh (Lạch Bạng).

#### **b) Hệ thống bến thủy nội địa:**

##### **\* Bến hàng hoá:**

Đầu tư xây dựng các BTND phục vụ khai thác lâu dài, đáp ứng yêu cầu phát triển KTXH, nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa trong tương lai (phục vụ các khu, cụm công nghiệp, khu du lịch). Các bến phải có khả năng kết nối mạng

lưới giao thông thuận lợi, đảm bảo an toàn trong vận chuyển và khai thác của phương tiện.

*\* Bến khách du lịch:*

Xây dựng các bến hành khách phục vụ các tuyến du lịch đường sông được phê duyệt tại Quyết định số 4589/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 về Quy hoạch phát triển các điểm tuyến du lịch đường sông tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 và các bến phục vụ phát triển du lịch của tỉnh: bến Hải Tiên, Đào Nẹ, FLC Sầm Sơn.

Ngoài ra, cần đầu tư hạ tầng kỹ thuật trong bến cảng du lịch, đường giao thông kết nối đến các điểm di tích, danh lam thắng cảnh.

*\* Bến chuyên dùng:*

Tiếp tục đầu tư xây dựng các xưởng đóng mới, sửa chữa phương tiện vừa và nhỏ tại Đò Lèn, hồ Bến En, hồ Cửa Đạt, bến Bình Minh (khu vực cảng Bình Minh). Đến năm 2030 phát triển các bến TND trên sông Mã: bến La Hán (huyện Bá Thước), bến Phú Thanh (huyện Quan Hoá); sông Chu: huyện Thiệu Hoá, Huyện Thọ Xuân; bến tại khu vực cảng Hải Châu (sông Yên).

Quản lý, bảo trì các bến đang hoạt động: Bến Hoàng Linh (Bến Quảng Hưng), bến SCTT Đức Hùng (bến Định Tiến), bến Nga Bạch, bến Xuân Lộc.

*(Chi tiết như phụ lục số 2)*

*\* Bến bãi tập kết vật liệu xây dựng:*

Đối với các bến, bãi tập kết, trung chuyển vật liệu xây dựng: Thực hiện, rà soát cấp phép bổ sung các bến chuyên dùng tập kết cát, sỏi đối với các bến có vị trí phù hợp với Quy hoạch khảo sát, thăm dò khai thác và sử dụng tài nguyên cát sỏi lòng sông tỉnh Thanh Hoá.

Giao Sở GTVT thực hiện rà soát các bến bãi, tập kết vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh cho thuê đất (*Chi tiết tại phụ lục 3 kèm theo*) và theo Quy hoạch khảo sát, thăm dò khai thác và sử dụng tài nguyên cát sỏi lòng sông tỉnh Thanh Hoá đáp ứng đầy đủ điều kiện về BTND, gồm: Vị trí neo đậu, thiết bị xếp dỡ, luồng tuyến và hành lang đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa, kết nối với các phương thức vận tải khác.

Đối với những vị trí đáp ứng đầy đủ các điều kiện nêu trên thì Sở GTVT tiến hành cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa; đối với những vị trí không đáp ứng được một trong các điều kiện nêu trên thì báo cáo UBND tỉnh xem xét thu hồi Quyết định cho thuê đất.

*c) Định hướng phát triển các điểm trông giữ phương tiện đường thủy nội địa vi phạm*

Định hướng phát triển các điểm trông giữ phương tiện thủy vi phạm gắn với quy hoạch các khu neo đậu tránh trú bão đã được phê duyệt (theo Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 12/11/2015 của TTCP về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống

cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đến năm 2025, định hướng đến năm 2030) và một số các điểm khác, bao gồm tại các khu vực cảng cá Lạch Hới, Hoà Lộc, Lạch Bạng, Quảng Nham, Hồi Đào, khu vực bến Kiều (huyện Yên Định), bến La Hán (huyện Bá Thước), bến đập thủy điện Trung Sơn (huyện Quan Hoá), bến Vạn Hà (huyện Thiệu Hoá), bến hồ Cửa Đạt, bến Bút Sơn (huyện Hoàng Hoá), bến Kim Tân (huyện Thạch Thành), bến Cầu Vay (huyện Nông Công), bến Báo Văn (huyện Nga Sơn).

*(Chi tiết như phụ lục số 4)*

#### **IV. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư:**

- Cải tạo tuyến vận tải thủy nội địa Thanh Hóa - Ninh Bình:
  - + Nâng cấp sông Lèn, cải tạo kênh Nga, kênh De,...;
  - + Khắc phục dải đá ngầm Thác Nghè trên sông Mã.
- Khảo sát, công bố đưa vào quản lý tuyến sông Bạng (đoạn từ cảng cá Lạch Bạng đến cầu Hồ Nghi Sơn), các vùng hồ thủy điện trên sông Mã (đoạn từ cầu Na Sái đến hồ thủy điện Trung Sơn)
- Xây dựng một số cảng, BTNĐ, như: Đò Lèn, Hàm Rồng, bến Thiệu Khánh (bến Vồm), bến cầu Tào (Hoàng Lý), Bút Sơn.
- Lắp đặt các biển cảnh báo nguy hiểm, luồng lạch tàu thuyền (trừ các hạng mục đã được phê duyệt tại Quyết định 2997/QĐ-UBND ngày 11/8/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá phê duyệt Đề án Khai thác và phát triển tuyến du lịch sông Mã.

#### **V. Dự kiến quỹ đất cho đầu tư cơ sở hạ tầng BTNĐ**

Diện tích đất bao gồm diện tích đất của những bến hiện trạng, và diện tích đất của các bến xây dựng mới. Tổng nhu cầu quỹ đất cho đầu tư cơ sở hạ tầng bến tỉnh Thanh Hoá là 34,5ha.

*(Chi tiết như phụ lục số 5)*

#### **VI. Kinh phí thực hiện đề án**

##### **a, Nguồn kinh phí**

- Luồng tuyến: Ngân sách trung ương đầu tư, nâng cấp và bảo trì các tuyến ĐTNĐ quốc gia; Ngân sách địa phương đầu tư, nâng cấp và bảo trì các tuyến ĐTNĐ do địa phương quản lý.

- Cảng, BTNĐ: hầu hết xã hội hoá nên do các doanh nghiệp tự đầu tư.

**b, Tổng nhu cầu kinh phí: 3.756 tỷ đồng, trong đó:**

- Giai đoạn đến năm 2025: 2.202 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2025-2030: 1.555 tỷ đồng.

*(Chi tiết tại phụ lục 6)*



## **VII. Các giải pháp thực hiện đề án**

### **1. Đổi mới công tác quản lý nhà nước về hệ thống kết cấu hạ tầng ĐTNĐ**

- Tăng cường quản lý thường xuyên đối với giao thông ĐTNĐ còn bao gồm cả công tác kiểm tra, thống kê, báo cáo thường xuyên biến động về kết cấu hạ tầng, phương tiện, lưu lượng giao thông, vận tải; phối hợp với các đơn vị quản lý nước, quản lý công trình thủy lợi để kết hợp tránh ảnh hưởng đến vận tải thủy (xây dựng các âu đập tích nước,...).

- Triển khai đồng bộ nhiều giải pháp từ kết cấu hạ tầng (bến cảng, luồng tuyến) tổ chức vận tải, đào tạo, tuyên truyền, cứu hộ, tăng cường sự quản lý của Nhà nước về giao thông vận tải đường thủy. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền pháp Luật giao thông ĐTNĐ.

- Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng cảng, BTNĐ kết hợp với phát triển cơ sở hạ tầng giao nhận kho vận, hạ tầng giao thông kết nối và đẩy nhanh xã hội hóa hoạt động dịch vụ logistics.

- Tăng cường công tác cưỡng chế thi hành pháp Luật về trật tự an toàn giao thông ĐTNĐ. Duy trì biện pháp xử lý mạnh, kiên quyết các hành vi vi phạm pháp luật, trật tự, an toàn giao thông. Lực lượng Cảnh sát giao thông, Thanh tra giao thông thường xuyên mở các đợt cao điểm xử lý các hành vi vi phạm giao thông.

### **2. Giải pháp về cơ chế chính sách, ưu đãi đầu tư**

Đẩy mạnh thực hiện Quyết định số 47/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển giao thông vận tải ĐTNĐ, trong đó tập trung vào các giải pháp chính sau:

- Xem xét bố trí đủ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho công tác thực hiện Đề án phát triển giao thông vận tải ĐTNĐ được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

- Ưu tiên tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi: vốn vay viện trợ phát triển chính thức (ODA), vốn tín dụng ưu đãi để đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông ĐTNĐ phục vụ vận tải hành khách, vận tải container;

- Căn cứ nguồn lực địa phương ưu tiên bố trí kinh phí đầu tư kết cấu hạ tầng bến khách ngang sông tại những nơi có điều kiện kinh tế khó khăn, chưa được đầu tư kết cấu hạ tầng bến khách ngang sông và chưa có điều kiện phát triển các loại hình giao thông khác;

- Căn cứ vào quy định hiện hành xem xét miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với đầu tư xây dựng mới cảng thủy nội địa, cải tạo hệ thống kho, bãi, cầu tàu, hệ thống thoát nước và đường nội bộ của cảng thủy nội địa; báo cáo Thủ tướng Chính phủ những vấn đề vượt thẩm quyền;

- Xem xét hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông ĐTNĐ để đầu tư phương tiện, kết cấu hạ tầng giao thông ĐTNĐ và hỗ trợ giá vé cho người sử dụng trên địa bàn.

### **3. Giải pháp về huy động vốn**

- Đẩy mạnh xã hội hóa việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng ĐTNĐ bằng các hình thức hợp tác công tư PPP; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển bằng các hình thức theo quy định.

- Khuyến khích áp dụng hình thức xã hội hóa thực hiện các dự án nạo vét các tuyến ĐTNĐ không sử dụng ngân sách nhà nước; việc kết hợp tận thu sản phẩm nạo vét được thực hiện theo quy định hiện hành.

- Nguồn vốn ngân sách tập trung đầu tư cho các hạng mục cơ sở hạ tầng công cộng luồng tuyến (trừ luồng chuyên dùng), đầu tư cảng khách tại các hạng động phục vụ thăm quan vịnh và những vị trí bảo vệ an ninh quốc phòng.

- Cảng bến chủ yếu đầu tư bằng nguồn huy động hợp pháp của các doanh nghiệp, Cảng bến do các doanh nghiệp đề xuất trong phạm vi đề án và toàn bộ hạ tầng cùng kết nối với các phương thức vận tải khác sẽ được các doanh nghiệp tư huy động.

- Phương tiện vận tải: vốn đầu tư phương tiện vận tải do các doanh nghiệp, tư nhân tự đầu tư theo nhu cầu của thị trường và khả năng; tỉnh cần có cơ chế chính sách hỗ trợ, cho vay vốn ưu đãi phát triển vận tải thủy chất lượng cao và tính năng kỹ thuật an toàn.

### **4. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực**

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực cả về quy mô, chất lượng và hiệu quả để cung cấp đủ nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Thực hiện chương trình đào tạo và đào tạo lại để nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân lành nghề. Mở rộng các hình thức đào tạo: ngắn hạn, dài hạn, đào tạo ở trong nước và nước ngoài, đào tạo trong nước kết hợp với đào tạo nước ngoài, đào tạo theo trường lớp và tự đào tạo.

- Thường xuyên thanh kiểm tra chứng chỉ, bằng cấp của thủy thủ, thuyền viên để có hình thức đào tạo và đào tạo lại, hoặc ngăn chặn trực tiếp các trường hợp không có bằng lái tàu vẫn hành nghề để tránh tai nạn.

### **5. Giải pháp về khoa học, công nghệ**

- Nghiên cứu áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ mới trong bảo trì và xây dựng như nạo vét tuyến, xây dựng cảng bến, sử dụng các biện pháp thi công và vật liệu mới tránh tối đa ô nhiễm môi trường.

- Đối với phương tiện thay đổi kích thước tuyến hình sao cho phù hợp với điều kiện luồng lạch nâng cao tốc độ và đảm bảo an toàn cho hàng hóa, hành khách trong quá trình vận chuyển.

- Tăng cường các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thi công, xây dựng, khai thác, bảo trì các tuyến ĐTNĐ.

## **6. Giải pháp đẩy mạnh liên kết trong phát triển giao thông vận tải ĐTNĐ; liên vận giữa đường biển, đường bộ với ĐTNĐ.**

- Để tăng cường kết nối giữa các phương thức vận tải, cần phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải một cách đồng bộ, đảm bảo kết nối tốt giữa các phương thức vận tải. Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai theo đề án được duyệt.

- Phát triển đồng bộ các khu logistics sau cảng, bến/ga container thuận tiện trong việc gom hàng đa phương thức.

### **VIII. Tổ chức thực hiện.**

#### **1. Sở Giao thông vận tải**

- Chủ trì thực hiện việc công bố công khai Đề án và quản lý Đề án theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Lập Kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm và từng giai đoạn theo lộ trình phát triển phù hợp với Đề án được duyệt, báo cáo UBND tỉnh xem xét chấp thuận để triển khai thực hiện;

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách thu hút, kêu gọi và tạo nguồn vốn cho đầu tư phát triển và bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vận tải ĐTNĐ của tỉnh.

#### **2. Các sở, ban, ngành của tỉnh**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Giao thông vận tải và UBND các huyện trong việc chỉ đạo thực hiện và quản lý Đề án.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính: Hàng năm cân đối và bố trí vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Đề án.

- Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh: Chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện công tác kêu gọi đầu tư xã hội hoá xây dựng các cảng, BTNĐ của tỉnh.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Bố trí quỹ đất để thực hiện Đề án, kiểm tra việc bảo vệ môi trường tại bến và tuyến ĐTNĐ.

- Cảnh sát giao thông, Thanh tra giao thông: Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật và quản lý đối với kết cấu hạ tầng giao thông ĐTNĐ, vận tải ĐTNĐ, phương tiện, thuyền viên và người lái.

#### **3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải trong việc công bố đến các xã, phường ven sông và các doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động trên địa bàn để biết và thực hiện;

- Trên cơ sở Đề án được duyệt, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức quản lý, bảo vệ hành lang, bảo vệ luồng tuyến, bến bãi thuộc địa phận quản lý.

Bảo vệ trật tự an toàn giao thông ĐTNĐ tại địa phương, bảo vệ môi trường. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về giao thông ĐTNĐ.

#### 4. Đối với các nhà đầu tư

Trong quá trình quản lý, khai thác, Nhà nước tạo điều kiện cho tất cả các thành phần kinh tế khác nhau tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh trong bến, khi thỏa mãn những điều kiện về kinh doanh vận tải, tạo sự cạnh tranh lành mạnh. Ưu tiên những doanh nghiệp tham gia đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy cùng tham gia quản lý khai thác.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Kho bạc Nhà nước tỉnh; các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;
- Lưu: VT, CN.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Anh Tuấn

**PHỤ LỤC 1**

**Định hướng phát triển các tuyến đường thủy nội địa tỉnh Thanh Hoá  
đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2018  
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

TT	Tên sông		Định hướng phát triển				Đơn vị quản lý	Dự kiến thời gian triển khai	Ghi chú
			Chiều dài (km)	Cấp kỹ thuật					
	Điểm đầu	Điểm cuối		2025	2030				
<b>1</b>	<b>Các tuyến cần nâng cấp, khảo sát công bố tuyến đưa vào quản lý</b>		<b>248,5</b>						
<b>1</b>	<b>Sông Mã</b>		<b>100,5</b>						
	Cầu Na Sài	TĐ Hội Xuân	14	5	5	ĐP	2020-2025	Khảo sát, công bố	
	TĐ Hội Xuân	TĐ Thành Sơn	28,4	5	5	ĐP	2020-2025	Khảo sát, công bố	
	TĐ Thành Sơn	Đập TĐ Trung Sơn	11,6	5	5	ĐP	2020-2025	Khảo sát, công bố	
	Hồ TĐ Trung Sơn		46,5	5	5	ĐP	2020-2025	Khảo sát, công bố	
<b>2</b>	<b>Sông Lèn</b>		<b>51</b>						
	Phao số 0 (Lạch Sung)	Cầu Đò Lèn	40	3	1	TW	2020-2030	Nâng cấp	
	Cầu Đò Lèn	Ngã ba Bông	11	3	3	TW	2030	Nâng cấp	
<b>3</b>	<b>Sông Hoàng</b>								
	Ngã ba Ngọc Trà	Ngã ba Sông Hoàng	16	5	5	ĐP	2025-2030	Nâng cấp	
<b>4</b>	<b>Kênh Nga</b>								
	Ngã ba Chè Thôn	Hạ lưu cầu Điện Hồ	27	3	3	TW	2025-2030	Nâng cấp	
<b>5</b>	<b>Kênh De</b>								
	Ngã ba Yên Lương	Ngã ba Trương xá	6,5	4	3	TW	2025-2030	Nâng cấp	
<b>6</b>	<b>Sông Bạng</b>								
	Cảng cá Lạch Bạng	Cầu Hồ (Nghị Sơn)	17,5	3	3	TW	2025	Khảo sát, công bố	
<b>7</b>	<b>Tuyến ven biển phục vụ du lịch biển Hải Tiến</b>		<b>30</b>						
	Hải Tiến	Hòn Sụp – Đền thờ Long Vương (đào Nẹ)	10	1	1	ĐP	2025	Khảo sát, công bố	
	Hải Tiến	Sầm Sơn	12	1	1	ĐP	2025	Khảo sát,	

TT	Tên sông		Định hướng phát triển			Đơn vị quản lý	Dự kiến thời gian triển khai	Ghi chú
	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Cấp kỹ thuật				
				2025	2030			
								công bố
	Hải Tiến	Cửa biển Lạch Trông		1	1	ĐP	2025	Khảo sát, công bố
<b>II</b>	Các tuyến đề nghị bảo trì hàng năm nhằm đảm bảo cấp kỹ thuật và duy trì hoạt động bình thường, an toàn của công trình ĐTNĐ		611,2					
<b>1</b>	<b>Sông Mã</b>		179,2					
	Phao số 0 Cửa Lạch Hới	HL cầu Hoàng Long	21,2	2	2	TW		Cục Hàng hải quản lý
	Cầu Hoàng Long	Ngã ba Bông	17	3	3	TW		
	Ngã ba Bông	Ngã ba Vĩnh Ninh	19	4	4	TW	2020-2025	Khắc phục dài đá ngầm Thác Nghê
	Ngã ba Vĩnh Ninh	TĐ Cẩm Thủy 2	46	5	5	ĐP		
	TĐ Cẩm Thủy 2	TĐ Cẩm Thủy 1	15,5	5	5	ĐP		
	TĐ Cẩm Thủy 1	TĐ Bá Thước 2	18,5	5	5	ĐP		
	TĐ Bá Thước 2	TĐ Bá Thước 1	31,5	5	5	ĐP		
	TĐ Bá Thước 1	cầu Na Sài	10,5	5	5	ĐP		
<b>2</b>	<b>Sông Bưởi</b>		50,5					
	Vĩnh Ninh (Vĩnh Khang)	Kim Tân	25,5	4	4	TW		
	Kim Tân	Thành Mỹ	25	5	5	ĐP		
<b>3</b>	<b>S. Cầu Chày</b>		15,5					
	Ngã ba Châu Trông	Cầu Si	15,5	5	5	ĐP		
<b>4</b>	<b>Sông Chu</b>		57					
	Ngã ba Đầu	Vạn Hà	11	3	3	TW		
	Vạn Hà	Đập Bái Thượng	46	4	4	TW		
<b>5</b>	<b>Sông Tào</b>		32					
	Phao số 0 (cửa Lạch Trông)	Ngã ba Hoàng Hà	14,5	3	3	TW		

TT	Tên sông		Định hướng phát triển			Đơn vị quản lý	Dự kiến thời gian triển khai	Ghi chú
			Chiều dài (km)	Cấp kỹ thuật				
	Điểm đầu	Điểm cuối		2025	2030			
	Ngã ba Hoàng Hà	Ngã ba sông Tào	17,5	3	3	TW		
6	<i>Sông Yên</i>		62					
	Phao số 0	Cầu Ghép	12	2	2	TW		
	Cầu Ghép	Ngã ba Cây Sơ	29	4	4	TW		
	Ngã ba Cây Sơ	Ngã ba Vua Bà	7	4	4	TW		
	Ngã ba Vua Bà	Ngã ba Sông Hoàng	2	4	4	TW		Thanh thái lường đảm bảo GT
	Ngã ba Sông Hoàng	Cầu Vay	12	4	4	TW		
7	<i>Sông Nhồi Nấp</i>							
	Ngã ba Bền Ngự	Cầu Vay	25	6	6	ĐP		
8	<i>Sông Cầu Quan</i>							
	Ngã ba Vua Bà	Chợ Nưa	29	6	6	ĐP		
9	<i>Sông Chuối</i>							
	Ngã ba Cây Sơ	Vạn Hòa	29	5	5	ĐP		
10	<i>Kênh Choán</i>							
	Ngã ba Hoàng Hà	Hoàng Phụ	15	4	4	TW		
11	<i>Sông Càn</i>							
	Phao số 0	Cửa Lạch Càn	9	2	2	ĐP		
	Cửa Lạch Càn	Cầu Điền Hộ	9	6	6	ĐP		
12	<i>Tuyến Lạch Bạng - Hòn Mê</i>							
	Lạch Bạng	Hòn Mê	20	1	1	TW		
13	<i>Hồ cửa Đạt</i>		43	1	1	ĐP		
14	<i>Hồ Bền En</i>		36	1	1	ĐP		
	<b>TỔNG CỘNG</b>		859,7					

**PHỤ LỤC 2**  
**Định hướng phát triển hệ thống cảng, bến thủy nội địa tỉnh Thanh Hoá**  
**đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 480/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2018*  
*của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)*

TT	Tên cảng, bến	Vị trí, địa điểm	Định hướng phát triển			Dự kiến thời gian triển khai	Ghi chú
			Loại cảng bến	Công suất (nghìn tấn/năm)	Cỡ tàu lớn nhất (T)		
<b>A</b>	<b>Hệ thống cảng TND</b>						
1	Cảng Hàm Rồng	P. Nam Ngạn, TP Thanh Hóa	Cảng hành khách			2020	XD mới
2	Cảng Hoằng Lý	Xã Hoằng Lý, Hoằng Hoá	Cảng tổng hợp	300	300	2025-2030	Nâng cấp, mở rộng
3	Cụm cảng Đò Lèn	TT Hà Trung, H. Hà Trung	Cảng tổng hợp	1.400	1000	2020-2030	XD mới
4	Cảng Nga Bạch	Xã Nga Bạch, H. Nga Sơn	Cảng tổng hợp	150	1000	2025-2030	Nâng cấp, mở rộng
5	Cảng Hải Châu	Xã Hải Châu, Huyện Tĩnh Gia	Cảng tổng hợp	150	600	2025-2030	XD mới
6	Cảng Bình Minh (Cảng Lạch Bạng)	Xã Bình Minh, Huyện Tĩnh Gia	- Cảng hàng hoá - Bến hành khách - Bến SCPT ĐT	1.000	3.000	2020-2025	XD mới
7	Cảng Lạch Trường	Xã Hoằng Trường, H. Hoằng Hoá	Cảng tổng hợp	150	300	2025-2030	XD mới
<b>B</b>	<b>Hệ thống bến TND</b>						
1	Sông Mã						
1.1	Bến Cửa Hới	TX. Sầm Sơn, TP. Thanh Hoá	Bến du lịch		600	đến 2030	XD mới
1.2	Bến Hoằng Đại	Xã Hoằng Đại, TP. Thanh Hoá	Bến chuyên dùng Bến tổng hợp	50	600	đến 2030	XD mới



TT	Tên cảng, bến	Vị trí, địa điểm	Định hướng phát triển		Dự kiến thời gian triển khai	Ghi chú	
			Loại cảng, bến	Công suất (ghin tấn/năm)			
1.3	Bến Quảng Hưng (Bến Hoàng Linh và bến HTX TB Lam Sơn)	P. Quảng Hưng TP. Thanh Hoá	Bến chuyên dùng Bến tổng hợp		600	đến 2030	XD mới
1.4	Bến Ba Bông	Xã Hà Sơn, Hà Trung	Bến Hành Khách		100	đến 2030	XD mới
1.5	Bến Hoàng Giang	Xã Hoàng Giang, H. Hoàng Hoá	Bến hàng hoá	50	100	đến 2030	XD mới
1.6	Bến Định Tiến	Xã Định Tiến, Huyện Yên Định	Bến chuyên dùng		100	đến 2030	XD mới
1.7	Bến Yên Hoành	Xã Định Tân Huyện Yên Định	Bến Hàng hoá	50	100	đến 2030	XD mới
1.8	Bến Ngự (chùa Linh Giang)	Huyện Vĩnh Lộc	Bến du lịch			đến 2030	XD mới
1.9	Bến Kiều (Bến Nhất Linh)	Xã Yên Trường H. Yên Định	Bến hàng hoá	50	50	đến 2030	Nâng cấp, mở rộng
1.10	Bến Cẩm Thuý (chùa Ngọc Sơn)	H. Cẩm Thuý	Bến du lịch			đến 2030	XD mới
1.11	Bến Cẩm Vân	Xã Cẩm Vân H. Cẩm Thuý				đến 2030	Nâng cấp, mở rộng
1.12	Bến trung chuyển khu vực Đập TĐ Cẩm Thuý 2	Xã Cẩm Bình Huyện Cẩm Thuý	Bến tổng hợp	50		đến 2030	XD mới (1 bến thượng lưu + 1 bến hạ lưu)
1.13	Bến Cẩm Phong	TT Cẩm Thuý	Bến hàng hoá	50		đến 2030	XD mới

TT	Tên cảng, bến	Vị trí, địa điểm	Định hướng phát triển		Dự kiến thời gian triển khai	Ghi chú
			Loại cảng, bến	Công suất (nghìn tấn/năm)		
1.14	Bến trung chuyển khu vực Đập TD Cẩm Thủy 1	Xã Cẩm Bình Huyện Cẩm Thủy	Bến tổng hợp	50	đến 2030	XD mới (1 bến thượng lưu + 1 bến hạ lưu)
1.15	Bến trung chuyển khu vực Đập TD Bá Thước 2	Xã Lương Ngoại H. Bá Thước	Bến tổng hợp	50	đến 2030	XD mới (1 bến thượng lưu + 1 bến hạ lưu)
1.16	Bến La Hán	X. Ban Công H. Bá Thước	Bến hàng hoá + Bến chuyên dùng (SCPT)	50	đến 2030	XD mới
1.17	Bến trung chuyển khu vực Đập TD Bá Thước 1	Xã Thiết Kế, H. Bá Thước	Bến tổng hợp	50	đến 2030	XD mới (1 bến thượng lưu + 1 bến hạ lưu)
1.18	Bến trung chuyển khu vực Đập TD Hội Xuân	Bản Giá, xã Thanh Xuân, H. Quan Hóa	Bến hàng hoá	50	đến 2030	XD mới (1 bến thượng lưu + 1 bến hạ lưu)
1.19	Bến Phú Thanh	Xã Phú Thanh H. Quan Hoá	Bến hàng hoá + Bến chuyên dùng (SCPT)	50	đến 2030	XD mới
1.20	Bến trung chuyển khu vực Đập TD Thành Sơn	Xã Thành Sơn, H. Quan Hóa	Bến hàng hoá	50	đến 2030	XD mới (1 bến thượng lưu + 1 bến hạ lưu)
1.21	Bến trung chuyển khu vực	Xã Trung Sơn H. Quan Hoá	Bến hàng hoá	50	đến 2030	XD mới (1 bến thượng lưu + 1 bến hạ lưu)

TT	Tên cảng, bến	Vị trí, địa điểm	Định hướng phát triển			Dự kiến thời gian triển khai	Ghi chú
			Loại cảng, bến	Công suất (nghìn tấn/năm)	Cỡ tàu lớn nhất (T)		
	Đập TD Trung Sơn						lưu)
2	Sông Chu						
2.1	Bến Vồm	Xã Thiệu Khánh, TP Thanh Hóa	Bến hàng hoá	50	300	đến 2030	XD mới
2.2	Bến Vạn Hà	TT Vạn Hà H. Thiệu Hoá	Bến hàng hoá	50	300	đến 2030	XD mới
2.3	Bến Thiệu Phúc	Xã Thiệu Phúc, Thiệu Hoá	Bến hàng hoá	50	100	đến 2030	XD mới
2.4	Bến Thiệu Minh	Xã Thiệu Minh, Thiệu Hoá	Bến hàng hoá	50	100	đến 2030	XD mới
2.5	Bến Hạnh Phúc	Xã Hạnh Phúc, H. Thọ Xuân	Bến hàng hoá	50	100	đến 2030	XD mới
2.6	Bến TT Thọ Xuân	H. Thọ Xuân	Bến du lịch			đến 2030	XD mới
2.7	Bến Mục Sơn	TT Lam Sơn, H. Thọ Xuân	Bến hàng hoá	50	100	đến 2030	XD mới
2.8	Bến Bái Thượng	X.Xuân Bái, H. Thọ Xuân	Bến hàng hoá	50	100	đến 2030	XD mới
3	Sông Lèn						
3.1	Bến Thắm	Liên Lộc, Hậu Lộc	Bến tổng hợp	50	300	đến 2030	XD mới
3.2	Bến Châu Lộc	Xã Châu Lộc, h.Hậu Lộc	Bến chuyên dùng	50	300	đến 2030	XD mới
3.3	Bến Hà Sơn	Xã Hà Sơn, H. Hà Trung	Bến khách du lịch			đến 2030	XD mới
3.4	Bến Gũ	Xã Hà Phú H. Hà Trung	Bến tổng hợp	50		đến 2030	XD mới
4	Sông Tào						
4.1	Bến Hoàng Lý	Hoàng Lý, TP Thanh Hóa	Bến tổng hợp	50	300	đến 2025	Nâng cấp
4.2	Bến Bút Sơn	Thị trấn Bút Sơn, H. Hoàng Hóa	Bến tổng hợp	50	300	đến 2030	XD mới

TT	Tên cảng, bến	Vị trí, địa điểm	Định hướng phát triển			Dự kiến thời gian triển khai	Ghi chú
			Loại cảng	Công suất (nghìn tấn/năm)	Cỡ tàu lớn nhất (T)		
4,3	Bến Xuân Lộc	X. Hoà Lộc, H. Hậu Lộc	Bến tổng hợp	50	300	đến 2025	Nâng cấp
5	Sông Bưởi						
5.1	Bến Cỏ Tế	X. Thạch Long, H. Thạch Thành	Bến tổng hợp	50	100	đến 2030	XD mới
5.2	Bến Kim Tân	Xã Thành Hưng, H. Thạch Thành.	Bến tổng hợp	50	100	đến 2030	XD mới
5.3	Bến cầu Công	Cầu Công, H. Thạch Thành.	Bến tổng hợp	50	50	đến 2030	XD mới
6	Sông Nhồi						
6.1	Bến Nư	P. Đông Hương-TP. Thanh Hoá	Bến tổng hợp	50	10	đến 2025	XD mới
7	Sông Yên						
7.1	Bến Ngọc Trà	Xã Quảng Trung, H. Quảng Xương	Bến hàng hoá	50	100	2025-2030	XD mới
7.2	Bến Vua Bà		Bến hàng hoá	50	100	2025-2030	XD mới
7.3	Bến Cầu Vạy		Bến hàng hoá	50	100	2025-2030	XD mới
8	Kênh Nga						
8.1	Bến Báo Văn	Xã Hà Hải, H. Hà Trung	Bến hàng hoá	50	300	2025	XD mới
9	Kênh Choán						
9.1	Bến Hoàng Phụ	Xã Hoàng Phụ, Hoàng Hoá	Bến tổng hợp	50	100	2025	XD mới
10	Sông Chuối						
10.1	Bến Mắm	Xã Trường Trung, H. Nông Cống	Bến tổng hợp	50	50	2025-2030	XD mới

TT	Tên cảng, bến	Vị trí, địa điểm	Định hướng phát triển			Dự kiến thời gian triển khai	Ghi chú
			Loại cảng, bến	Công suất (nghìn tấn/năm)	Cỡ tàu lớn nhất (T)		
10.2	Bến Minh Nghĩa	Xã Minh Nghĩa, Huyện Nông Cống	Bến tổng hợp	50	50	2025-2030	XD mới
11	Sông Bạng						
11.1	Bến Đò Dừa	Xã Trúc Lâm, Huyện Tĩnh Gia	Bến tổng hợp	50	300		
11.2	Bến Bình Minh	Xã Bình Minh, huyện Tĩnh Gia	Bến chuyên dùng		3.000-5.000	2030	XD mới
12	Sông Cản						
12.1	Bến Mộng Đường	H. Nga Sơn	Bến tổng hợp			2025	Nâng cấp
13	Đảo Hòn Mê						
13.1	Bến Hòn Mê	Đảo Hòn Mê, Huyện Tĩnh Gia.	Bến tổng hợp + hành khách			2025	XD mới
14	Hồ Yên Mỹ						
14.1	Bến Yên Mỹ	Xã Yên Mỹ, H.N. Cống	Bến du lịch			2025	XD mới
15	Vườn Quốc gia Bến En						
15.1	Bến Đầu Mới Vườn Quốc Gia Bến En	Xã Hải Vân, H. Như Thanh	Bến du lịch + Sửa chữa tàu thuyền			2025	XD mới
16	Hồ Cửa Đạt						
16.1	Bến đầu mối hồ Cửa Đạt	X. Xuân Cẩm, H. Thường Xuân	Bến du lịch + Sửa chữa tàu thuyền			2025	XD mới
16.2	Bến Xuân Liên	Xã Xuân Liên				2025	XD mới
16.3	Bến Chun Mố					2025	XD mới

TT	Tên cảng, bến	Vị trí, địa điểm	Định hướng phát triển			Dự kiến thời gian triển khai	Ghi chú
			Loại cảng/bến	Công suất (nghìn tấn/năm)	Cỡ tàu lớn nhất (T)		
16.4	Bến Độc Cây					2025	XD mới
16.5	Bến Xuân Khao					2025	XD mới
16.5	Bến Hón Can					2025	XD mới
17	Bến FLC Sầm Sơn	TX Sầm Sơn	Bến du lịch			2020	XD mới
18	Bến Hải Tiến	Xã Hoằng Tiến, H. Hoằng Hoá	Bến du lịch			2020	XD mới
19	Đảo Nẹ	Xã Ngư Lộc, H. Hậu Lộc	Bến du lịch			2025	XD mới

**PHỤ LỤC 3**

**Danh sách các bãi tập kết kinh doanh cát trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá đã được UBND tỉnh cho thuê đất**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 180/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)*

TT	Tên Doanh nghiệp	Địa chỉ	Trên sông	Mô đất đã được cấp phép	Số QĐ thuê đất, CV chấp thuận	Thời hạn	Diện tích (m <sup>2</sup> )
<b>I</b>	<b>THÀNH PHỐ THANH HÓA</b>						
1	Công ty CP Đầu tư Phát triển Lê Hoàng	P. Đông Hải	Sông Mã	Không có	QĐ thuê đất số 1863/QĐ-UBND ngày 31/5/2010	30 năm; từ ngày 31/5/2010	10,542
2	Công ty CP Thương mại và Xây dựng Minh Đạt	P. Đông Hải	Sông Mã	Không có	QĐ thuê đất số 2537/QĐ-UBND ngày 23/7/2010	50 năm; từ ngày 23/7/2010	25
3	Công ty TNHH Thúy Sơn	P. Hàm Rồng	Sông Mã	Không có	QĐ thuê đất số 460/QĐ-UBND ngày 10/02/2011 (đã được gia hạn tại QĐ 1338/QĐ-UBND ngày 19/4/2016)	10/2/2011-10/2/2018	15,627
4	Công ty TNHH Nga Sơn Phát	Xã Tào Xuyên	Sông Tào	Không có	QĐ thuê đất số 1540/QĐ-UBND ngày 18/5/2011	50 năm; từ ngày 18/5/2011	4.969
5	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Thanh Hóa	Xã Hoàng Lý	Sông Tào	Mô số 64, xã Hoàng Khánh, Hoàng Xuân	QĐ thuê đất số 4270/QĐ-UBND ngày 29/12/2008	20 năm; từ ngày 29/12/2008	9
6	Tổng CT ĐTXD và TM Anh Phát	Xã Hoàng Lý	Sông Tào	Không có	QĐ thuê đất số 3643/QĐ-UBND ngày 04/11/2011	50 năm; từ ngày 4/11/2011	13.649
7	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Thanh Hóa	Xã Hoàng Lý	Sông Tào	Mô số 64, xã Hoàng Khánh, Hoàng Xuân	QĐ thuê đất số 3918/QĐ-UBND ngày 30/11/2011	Đến ngày 29/12/2028	23.575
8	Công ty TNHH Tâm Đức	Xã Tào Xuyên	Sông Tào	Mô số 59 Thiệu Dương, TPTH	QĐ thuê đất số 3395/QĐ-UBND ngày 24/9/2010	50 năm; từ ngày 29/4/2010	1.550

TT	Tên Doanh nghiệp	Địa chỉ	Trên sông	Mô cat đã được cấp phép	Số QĐ thuê đất, CV chấp thuận	Thời hạn	Diện tích (m <sup>2</sup> )
9	Công ty TNHH Đức Thúy	P. Đông Hải	Sông Mã	Mô số 02a, xã Thiệu Tân, Thiệu Hóa	QĐ thuê đất số 3826/QĐ-UBND ngày 27/10/2010	50 năm; từ ngày 27/10/2010	10.099
10	Doanh nghiệp tư nhân Bắc Tào Xuyên	Xã Hoàng Lý	Sông Tào	Không có	QĐ thuê đất số 3830/QĐ-UBND ngày 16/11/2012	50 năm; từ ngày 16/11/2012	10.197
11	Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường	P. Đông Hải	Sông Mã	Mô số 67, xã Thiệu Quang, Thiệu Hóa	Công văn chấp thuận số 2164/UBND-NN ngày 07/5/2010		20.000
12	Công ty TNHH Tuấn Minh	Xã Thiệu Khánh	Sông Mã	Mô số 02a, xã Thiệu Khánh, TPTH	QĐ thuê đất số 1750/QĐ-UBND ngày 03/6/2011	50 năm; từ ngày 3/6/2012	10.700
13	Công ty cổ phần Vĩnh An	Xã Thiệu Dương	Sông Mã	Mô số 62, xã Thiệu Thịnh, Thiệu Hóa	QĐ thuê đất số 2384/QĐ-UBND ngày 22/7/2011	50 năm; từ ngày 22/7/2010	24.025
14	Công ty TNHH Hương Bình	Xã Tào Xuyên	Sông Tào	Không có	QĐ thuê đất số 465/QĐ-UBND ngày 01/02/2013	50 năm; từ ngày 1/2/2013	3.600
15	Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Dương	Xã Thiệu Dương	Sông Mã	Không có	QĐ thuê đất số 1958/QĐ-UBND ngày 21/6/2011	50 năm; từ ngày 21/6/2011	13.800
16	Tổng Công ty xây dựng và thương mại Hưng Đô	Xã Hoàng Quang	Sông Mã	Mô cat số 05 tại xã Thiệu Nguyên, huyện Thiệu Hóa	QĐ cho thuê đất số 590/QĐ-UBND ngày 12/02/2015	Đến ngày 21/9/2024	17.548,0



TT	Tên Doanh nghiệp	Địa chỉ	Trên sông	Mô cat	Số QĐ thuê đất, CV chấp thuận	Thời hạn	Diện tích (m <sup>2</sup> )
17	Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Thăng Long	P. Đông Hải	Sông Mã	Không có	Công văn chấp thuận 8759/UBND-NN ngày 27/11/2012; Công văn gia hạn thời gian hoàn thiện hồ sơ số 2102/UBND-NN ngày 01/4/2013 (đến nay đã hết hiệu lực Công văn gia hạn)		10.000,0
18	Công ty cổ phần Xd Tiến Đạt	Xã Hoàng Anh	Sông Tào	Không có	QĐ cho thuê đất số 1290/QĐ-UBND ngày 25/4/2017	50 năm; từ ngày 25/4/2017	7.500,0
19	Công ty TNHH Tâm Đức	Xã Hoàng Anh	Sông Tào	Mô số 59 Thiệu Dương, TPTH	Công văn số 1549/UBND-NN ngày 13/2/2015		7.000,0
20	Công ty TNHH Tâm Đức	Xã Hoàng Anh	Sông Tào	Mô số 59 Thiệu Dương, TPTH	QĐ số 2854/QĐ-UBND ngày 03/8/2015	13/2/2015-14/8/2027	6.500
21	Doanh nghiệp tư nhân Hải Lam	Xã Hoàng Đại	Sông Mã		QĐ số 652/QĐ-UBND ngày 14/02/2015	Đến ngày 3/4/2030	10.468
<b>II THỊ XÃ SÀM SƠN</b>							
1	Công ty TNHH Sơn Hoài Hải	Quảng Tiến	Sông Mã	Không có	QĐ thuê đất số 390/QĐ-UBND ngày 29/01/2013	50 năm; từ ngày 29/1/2013	10.600
2	Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Quyết Thắng	Quảng Châu	Sông Mã		QĐ số 5263/QĐ-UBND ngày 09/12/2015	20 năm; từ ngày 9/12/2015	15.875
3	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Thăng Long	Quảng Châu	Sông Mã	Không có	QĐ thuê đất số 4378/QĐ-UBND ngày 10/12/2009	50 năm; từ ngày 10/12/2009	12.000
<b>III HUYỆN HOÀNG HÓA</b>							
1	Công ty TNHH Vận tải Xây dựng Hoàng Anh	Hoàng Giang	Sông Mã	Không có	QĐ thuê đất số 4058/QĐ-UBND ngày 04/12/2012	50 năm; từ ngày 4/12/2012	5.000

TT	Tên Doanh nghiệp	Địa chỉ	Trên sông	Mô tả đã được cấp	Số QĐ thuê đất, CV chấp thuận	Thời hạn	Diện tích (m <sup>2</sup> )
	Công ty cp ĐTXD Tuấn Minh	Hoàng Xuân	Sông Mã	Mô tả	QĐ số 1668/QĐ-UBND ngày 17/5/2016	50 năm; từ ngày 17/5/2016	3.500
<b>IV HUYỆN THIỆU HÓA</b>							
1	Công ty CP xây dựng và Thương mại Hưng Đô	Thiệu Đô	Sông Chu	Mô số 05, xã Thiệu Nguyên, Thiệu Hóa	QĐ thuê đất số 3501/QĐ-UBND ngày 04/10/2010	15 năm; từ ngày 24/10/2010	12.547
2	Công ty Cp Đầu tư Phát triển T&D Hà Nội tại Thanh Hóa	Thiệu Minh	Sông Chu	Mô số 15, xã Thiệu Toán, Thiệu Hóa	QĐ thuê đất số 3188/QĐ-UBND ngày 28/9/2012	50 năm; từ ngày 28/9/2012	5.000
3	Doanh nghiệp tư nhân Hùng Mạnh (đã chuyển nhượng lại cho Công ty cp XD và TM Thanh Tâm)	TT Vạn Hà	Sông Chu	Mô số 02 chuyển đổi xã Thiệu Tân, Thiệu Hóa	QĐ thuê đất số 626/QĐ-UBND ngày 06/3/2014 (QĐ chuyển nhượng số 3908/QĐ-UBND ngày 06/10/2015)	6/10/2015-6/3/2026	2.000
4	Doanh nghiệp tư nhân Hùng Mạnh đã chuyển nhượng lại cho Công ty cp XD và TM Thanh Tâm)	Thiệu Nguyên	Sông Chu	Mô số 02 chuyển đổi xã Thiệu Tân, Thiệu Hóa	QĐ thuê đất số 3201/QĐ-UBND ngày 13/9/2013 (QĐ chuyển nhượng số 3906/QĐ-UBND ngày 06/10/2015)	6/10/2015-26/6/2026	6.500
5	Công ty Cp Đầu tư Phát triển T&D Hà Nội tại Thanh Hóa	Thiệu Toán	Sông Chu	Mô số 15, xã Thiệu Toán, Thiệu Hóa	QĐ thuê đất số 4446/QĐ-UBND ngày 12/12/2013	50 năm; từ ngày 12/12/2013	10.282
6	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Trường Sa	Thiệu Vũ	Sông Chu	Không có	QĐ thuê đất số 1622/QĐ-UBND ngày 30/5/2012	50 năm; từ ngày 30/5/2012	9.598


TT	Tên Doanh nghiệp	Địa chỉ	Trên sông	Mô tả	Số QĐ thuê đất, CV chấp thuận	Thời hạn	Diện tích (m <sup>2</sup> )
7	Tổng Công ty Đầu tư xây dựng và Thương mại Anh Phát- Công ty cổ phần	Thị trấn Vân	Sông Chu	Không có	QĐ thuê đất số 2479/QĐ-UBND ngày 17/7/2013	30 năm; từ ngày 17/7/2013	15.197
8	Doanh nghiệp tư nhân Hải Lam	Thị trấn Toán	Sông Chu	Mô tả số 18 tại xã Xuân Thành - Hạnh Phúc - Xuân Lai, huyện Thọ Xuân	QĐ cho thuê đất số 1445/QĐ-UBND ngày 15/5/2014	15/5/2014-3/4/2030	5.000,0
9	Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Tâm	Thị trấn Vân	Sông Chu	Mô tả số 07, Thị trấn Phúc	QĐ cho thuê đất số 3406/QĐ-UBND ngày 01/10/2013	3 năm; từ ngày 1/10/2013	5.000,0
10	Công ty cổ phần Vật liệu XD Hùng Cường	Thị trấn Toán	Sông Chu		QĐ số 3112/QĐ-UBND ngày 19/8/2015	Đến ngày 4/5/2028	5.000
11	Công ty TNHH Trần Đức Thái	Thị trấn Phúc	Sông Chu	Không có	QĐ số 230/QĐ-UBND ngày 20/11/2017	50 năm; từ ngày 20/11/2017	2.515
<b>V</b>	<b>HUYỆN HÀ TRUNG</b>						
1	Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Vũ Bảo	Hà Hải	Sông Lèn	Không có	QĐ cho thuê đất số 546/QĐ-UBND ngày 05/02/2013	50 năm; từ ngày 5/2/2013	8.000
2	Công ty TNHH Đức Cường	Hà Lâm	Sông Lèn	Không có	QĐ thuê đất số 289/QĐ-UBND ngày 19/01/2012	50 năm; từ ngày 19/1/2012	18.756
3	Công ty TNHH Thịn Thuận	TT. Hà Trung	Sông Lèn	Không có	QĐ số 5586/QĐ-UBND ngày 31/12/2015	50 năm; từ ngày 31/12/2015	1.500
<b>VI</b>	<b>HUYỆN NGA SƠN</b>						

TT	Tên Doanh nghiệp	Địa chỉ	Trên sông	Mô đất đã được cấp phép	Số QĐ thuê đất, CV chấp thuận	Thời hạn	Diện tích (m <sup>2</sup> )
1	Công ty TNHH Vật liệu xây dựng và vận tải thành Hưng	Nga Lĩnh	Sông Lèn	Không có	QĐ thuê đất số 259/QĐ-UBND ngày 17/01/2013	50 năm; từ ngày 17/1/2013	2.000
2	Công ty TNHH Vật liệu xây dựng và Vận tải Thành Hưng	Nga Thạch	Sông Lèn	Không có	QĐ thuê đất số 2739/QĐ-UBND ngày 22/8/2011	50 năm; từ ngày 22/8/2011	3.475
3	Công ty TNHH Tuấn Thơ (Bãi chung chuyên vật liệu xây dựng)	Nga Lĩnh	Sông Lèn	Không có	QĐ thuê đất số 258/QĐ-UBND ngày 17/01/2013	50 năm; từ ngày 17/01/2013	6.400
<b>VII HUYỆN VĨNH LỘC</b>							
1	Công ty TNHH TM Bảo Tiến	Vĩnh Hùng	Sông Mã	Không có	QĐ thuê đất số 3871/QĐ-UBND ngày 25/11/2011	50 năm; từ ngày 25/11/2011	2.020
2	Công ty cổ phần Bắc Á	Vĩnh Yên	Sông Mã	Không có	Công văn chấp thuận số 6973/UBND-NN ngày 14/10/2011		10.000
3	Hợp tác xã Xây dựng Thành Công	Vĩnh Ninh	Sông Mã	Mô đất số 23 xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Lộc	QĐ cho thuê đất số 1656/QĐ-UBND ngày 02/6/2014	Đến ngày 5/5/2029	5.000,0
4	Công ty TNHH TM Thanh Chiến	Vĩnh Ninh	Sông Mã	Không có	QĐ thuê đất số 1130/QĐ-UBND ngày 8/4/2013	50 năm; từ ngày 8/4/2013	5.000,0
5	Công ty TNHH Minh Chung	Vĩnh Hùng	Sông Mã	Mô đất số 18	Công văn số 12734/UBND-NN ngày 25/12/2014 (được gia hạn tại Công văn số 5293/UBND-THKH ngày 25/5/2016); QĐ số 662/QĐ-UBND ngày 03/3/2017	Đến ngày 26/4/2029	1.200,0

TT	Tên Doanh nghiệp	Địa chỉ	Trên sông	Mô cat đất được cấp phép	QĐ thuê đất, CV chấp thuận	Thời hạn	Diện tích (m <sup>2</sup> )
6	Công ty Đức Lộc	Vĩnh Yên	Sông Mã	Mô cat số 30 Vĩnh Yên	QĐ số 908/QĐ- UBND ngày 18/3/2015	Đến ngày 23/2/2028	2.000,0
7	Công ty TNHH Phạm Đức Minh Anh	Vĩnh Hòa	Sông Mã		QĐ số 2201/QĐ- UBND ngày 24/6/2016	50 năm; từ ngày 24/6/2016	2.200
8	Công ty cổ phần Thương mại Đức Lộc	Vĩnh Yên	Sông Mã	Mô cat số 41 xã Quý Lộc, Yên Định	QĐ chấp thuận chủ trương địa điểm số 1402/QĐ-UBND ngày 28/4/2017		9.825
<b>VII I</b>	<b>HUYỆN CẨM THỦY</b>						
1	Doanh nghiệp tư nhân Thăng Hiển	Cẩm Vân	Sông Mã	Mô số 46, xã Cẩm Vân, Cẩm Thủy	QĐ thuê đất số 4165/QĐ-UBND ngày 12/12/2012	50 năm; từ ngày 12/12/2012	5.095
2	Doanh nghiệp tư nhân Văn Lộc	Cẩm Vân	Sông Mã	Mô số 45, xã Cẩm Vân, Cẩm Thủy	QĐ thuê đất số 2496/QĐ-UBND ngày 02/8/2011	50 năm; từ ngày 2/8/2011	3.000
3	Công ty khai thác cát sỏi và Xây dựng Hợp Thịnh	Cẩm Yên	Sông Mã	Không có	QĐ thuê đất số 2171/QĐ-UBND ngày 06/7/2011	50 năm; từ ngày 6/7/2011	3.000
4	Công ty cổ phần Xây dựng Hưng Thái An	TT Cẩm Thủy	Sông Mã	Không có	QĐ thuê đất số 1131/QĐ-UBND ngày 08/4/2013	50 năm; từ ngày 8/4/2013	548
5	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Đức Cường	Cẩm Giang	Sông Mã	Không có	QĐ thuê đất số 1370/QĐ-UBND ngày 26/4/2013	50 năm; từ ngày 26/4/2013	2.950,0
6	DNTN Văn Lộc	Cẩm Vân	Sông Mã	Mô số 45, xã Cẩm Vân,	QĐ chấp thuận chủ trương địa điểm số 718/QĐ-UBND ngày 09/3/2017		7.000

TT	Tên Doanh nghiệp	Địa chỉ	Trên sông	Mô cat	Số QĐ thuê đất, CV chấp thuận	Thời hạn	Diện tích (m <sup>2</sup> )
7	Công ty TNHH DV TM Xuân Sơn	Cắm Phong	Sông Mã		QĐ cho thuê đất số 3073/QĐ-UBND ngày 14/8/2015	50 năm; đến ngày 14/8/2015	1.500,0
<b>IX</b>	<b>HUYỆN YÊN ĐỊNH</b>						
1	Công ty TNHH MTV Trường Tuấn	Yên Phong	Sông Mã	Mô cat số 50 xã Yên Phong, Yên Định	QĐ thuê đất số 935/QĐ-UBND ngày 03/4/2014	5 năm; từ ngày 3/4/2014	2.195,0
2	Công ty TNHH Nhất Linh	Yên Trường	Sông Mã	Mô 40, Yên Thọ, Yên Trường	QĐ thuê đất số 3747/QĐ-UBND ngày 03/11/2014	Đến ngày 19/2/2022	5.000,0
3	Công ty TNHH Nam Lực	Định Hải	Sông Mã	Mô cat số 54, xã Định Hải, Yên Định	QĐ cho thuê đất số 53/QĐ-UBND ngày 09/01/2015	Đến ngày 8/4/2022	2.000,0
4	Công ty TNHH MTV Dũng Tuấn	Yên Thái	Sông Mã		QĐ số 3154/QĐ-UBND ngày 22/8/2016	50 năm; đến ngày 22/8/2016	6.000
<b>X</b>	<b>HUYỆN THỌ XUÂN</b>						
1	Công ty TNHH DV TM Lâm Tuấn	Thị trấn Thọ Xuân	Sông Chu	Mô 28, Xuân Hòa, Xuân Tín, Thọ Xuân	QĐ số 2578/QĐ-UBND ngày 12/8/2014	50 năm; từ ngày 12/8/2014	6.050,0
2	Doanh nghiệp tư nhân Hải Lâm	Xuân Lai	Sông Chu		QĐ số 3070/QĐ-UBND ngày 14/8/2015	Đến ngày 2030	5.462,6
3	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ	Thọ Lâm	Sông Chu	Mô cat số 25, Thọ Lâm,	QĐ chấp thuận chủ trương địa điểm số 999/QĐ-UBND ngày 03/4/2017		4.000,0

TT	Tên Doanh nghiệp	Địa chỉ	Trên sông	Mô tả đã được cấp phép	Số QĐ thuê đất, CV chấp thuận	Thời hạn	Diện tích (m <sup>2</sup> )
	Cường Mạnh						
4	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Cường Mạnh	Xuân Khánh	Sông Chu	Mô tả số.10, Thợ Cường, Thợ Xuân	QĐ số chấp thuận chủ trương địa điểm 999/QĐ-UBND ngày 03/4/2017		4.000,0
5	Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Sơn Vũ	Xuân Lam	Sông Chu	Mô tả trên Sông Âm, đoạn qua xã Phùng Minh và xã Phúc Thịnh huyện Ngọc Lặc	QĐ chấp thuận chủ trương địa điểm đầu tư tại QĐ số 1440/QĐ-UBND ngày 04/5/2017		7.500
<b>XI</b>	<b>HUYỆN QUAN HÓA</b>						
1	Công ty Điện Hôi Xuân	Hôi Xuân	Sông Mã	Mô tả Bàn Khảm kèm theo bãi tập kết	QĐ cấp phép khai thác mỏ và cho thuê đất số 775/QĐ-UBND ngày 21/3/2012	5 năm; từ ngày 21/3/2012	95.622,5
<b>XII</b>	<b>HUYỆN HẬU LỘC</b>						
1	Công ty TNHH MTV Mai Hương D-L	Đông Lộc	Sông Lèn		QĐ cho thuê đất số 2324/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 (Điểm trung chuyển hàng hóa)	50 năm; từ ngày 24/6/2015	7.661,0
<b>XIII</b>	<b>HUYỆN THẠCH THÀNH</b>						
1	Công ty TNHH Tuấn Sinh	Thành Hưng	Sông Bưởi		QĐ thuê đất số 1243/QĐ-UBND ngày 16/4/2013	50 năm; từ ngày 16/4/2013	15.000,0
<b>XIV</b>	<b>HUYỆN TĨNH GIA</b>						

TT	Tên Doanh nghiệp	Địa chỉ	Trên sông	Mô tả	Số QĐ thuê đất, CV chấp thuận	Thời hạn	Diện tích (m <sup>2</sup> )
1	Công ty cp Quản lý đường thủy nội địa và XD giao thông Thanh Hóa (Bãi chứa sp sau nạo vét luồng chạy tàu tuyến Sông Yên)	Hải Châu	Sông Yên		QĐ cho thuê đất số 2768/QĐ-UBND ngày 27/8/2014	27/8/2014-31/12/2011 6	6.117,0
<b>XV HUYỆN BÁ THƯỚC</b>							
1	Công ty cp Xây dựng hạ tầng Hồng Kỳ	Ban Công	Sông Mã		QĐ chấp thuận chủ trương địa điểm đầu tư số 330/QĐ-UBND ngày 25/01/2017		2.200,0
<b>XVI HUYỆN THƯỜNG XUÂN</b>							
1	Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Sơn Vũ	Ngọc Phụng	Sông Âm	Mô trên Sông Âm, đoạn qua xã Phùng Minh và xã Phúc Thịnh huyện Ngọc Lặc	QĐ chấp thuận chủ trương địa điểm đầu tư tại QĐ số 1440/QĐ-UBND ngày 04/5/2017		7.500



## PHỤ LỤC 4

Định hướng phát triển các điểm trồng gôm phương tiện đường thủy nội địa vi phạm  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2018  
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

TT	Tên cảng, bến	Địa chỉ	Tuyến sông	Quy mô (Số lượng tàu/cỡ tàu)	Ghi chú
1	Cảng cá Lạch Hới	Phường Quảng Tiến, thị xã Sầm Sơn	Sông Mã	1.000 chiếc/600 CV	QĐ1976
2	Cảng cá Hòa Lộc	Xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc	Sông Trường	700 chiếc/350 CV	QĐ1976
3	Cảng cá Lạch Bạng	Xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia	Sông Bạng	800 chiếc/400 CV	QĐ1976
4	Cảng cá Quảng Nham	Xã Quảng Nham, huyện Quảng Xương	Sông Yên	300 chiếc/200 CV	QĐ1976
5	Cảng cá Hới Đào	Xã Nga Tân, huyện Nga Sơn	Sông Lèn	300 chiếc/200 CV	
6	Bến Kiêu	Xã Yên Trường, H. Yên Định	Sông Mã	300 chiếc/200 CV	
7	Bến La Hán	Xã Ban Công, H. Bá Thước	Sông Mã	300 chiếc/200 CV	XD mới
8	Bến đập TĐ Trung Sơn	Xã Trung Sơn, H. Quan Hoá	Sông Mã	300 chiếc/200 CV	XD mới
9	Bến Vòm	Xã Thiệu Khánh, TP Thanh Hoá	Sông Chu	300 chiếc/200 CV	XD mới
10	Bến hồ Cửa Đạt	Xã Xuân Cẩm, H. Thường Xuân	Hồ Cửa Đạt	300 chiếc/200 CV	XD mới
11	Bến Bút Sơn	TT Bút Sơn, H. Hoằng Hoá	Sông Tào	300 chiếc/200 CV	XD mới
12	Bến Kim Tân	Xã Thành Hưng, H. Thạch Thành	Sông Bưởi	300 chiếc/200 CV	XD mới
13	Bến Cầu Vay	H. Nông Cống	Sông Yên	300 chiếc/200 CV	XD mới
14	Bến Báo Văn	H. Nga Sơn	Kênh Nga	300 chiếc/200 CV	XD mới

**PHỤ LỤC 5**

**Dự kiến nhu cầu quỹ đất cho đầu tư hạ tầng bến thủy nội địa**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4301/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2018  
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

TT	Tên Sông	Khu đất (ha)	Ghi chú
1	Sông Mã	14	
2	Sông Chu	4	
3	Sông Lèn	2	
4	Sông Tào	1,5	
5	Sông Bưởi	1,5	
6	Sông Nhò	0,5	
7	Sông Yên	1,5	
8	Kênh Nga	0,5	
9	Kênh Choán	0,5	
10	Sông Chuối	1	
11	Sông Bạng	1	
12	Sông Cản	0,5	
13	Đảo Hòn Mé	0,5	
14	Hồ Yên Mỹ	0,5	
15	Vườn quốc gia Bến En	0,5	
16	Hồ Cửa Đạt	3	
17	Sầm Sơn	0,5	
18	Hải Tiến	0,5	
19	Đảo Nẹ	0,5	
	<b>Tổng diện tích (ha)</b>	<b>34,5</b>	

**PHỤ LỤC 6**  
**Tổng hợp đầu cầu vốn đầu tư**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2018*  
*của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)*

TT	Hạng mục	Kinh phí đầu tư (tỷ đồng)			Nguồn vốn
		Đến năm 2025	2026- 2030	Tổng cộng	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.202</u></b>	<b><u>1.555</u></b>	<b><u>3.756</u></b>	
<b>1</b>	<b>Tuyến đường thủy</b>	<b>1730</b>	<b>1.167</b>	<b>2.896</b>	
	Trung ương	1430	972	2.401	ODA, TW
	Địa phương	300	195	495	ĐP
<b>2</b>	<b>Cảng, bến thủy nội địa</b>	<b>472</b>	<b>388</b>	<b>860</b>	<b>TW, ĐP, DN</b>

## PHỤ LỤC 7

Danh mục các công trình ưu tiên đầu tư đến năm 2020  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4204/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2018  
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

TT	Hạng mục đầu tư	Chiều dài (km)/ Công suất (1.000 tấn)	Kinh phí đến năm 2020 (tỷ đồng)	Nguồn vốn
A	<b>TỔNG NHU CẦU VỐN LƯƠNG TUYẾN</b>		683	
I	<b>Đường thủy nội địa quốc gia</b>		614	NSTW
I.1	<i>Khảo sát công bố quản lý và đầu tư ban đầu</i>			
1	Sông Bạng (cảng cá Lạch Bạng đến cầu Hồ Nghi sơn)	17,5	18	
I.2	<i>Nâng cấp</i>			
1	Sông Mã			
	Ngã ba Bông - Ngã ba Vĩnh Ninh (Phá đá)	19	198	
2	Sông Lèn			
	Phao số 0 - Cầu Lèn	40	398	
II	<b>Đường thủy nội địa địa phương</b>		69	NSDP
II.1	<i>Khảo sát công bố quản lý tuyến và đầu tư ban đầu</i>		69	
1	Các vùng hồ thủy điện trên sông Mã (Na Sải -BG)	92	69	
B	<b>CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA</b>		164	
I	<b>Cảng hàng hóa</b>		115	TW, DN
I.1	<i>Xây dựng mới</i>		104	
1	Cảng Đò Lèn (sông Lèn)	1.400	50	
2	Cảng Bình Minh ( sông Bạng)	1.000	54	
I.2	<i>Nâng cấp mở rộng</i>		11	
	Cảng Hoàng Lý (sông Mã)	300	11	
II	<b>Cảng khách</b>		21	DN
	Cảng Hàm Rồng		21	
III	<b>Bến thủy nội địa</b>		28	ĐP, DN
1	Sông Mã			

TT	Hạng mục đầu tư	Chiều dài (km)/ Công suất (1.000 tấn)	Kinh phí đến năm 2020 (tỷ đồng)	Nguồn vốn
	2 bến TND XD mới	2x50	8	
	2 bến TC tại các hồ thủy điện	2x50	8	
2	<i>Sông Chu</i>			
	2 bến xây dựng mới	2x50	8	
3	<i>Bến Hải Tiến</i>		2	
4	<i>Bến FLC Sầm Sơn</i>		2	
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>847</b>	